TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2019/DS-PT
Ngày : 18/12/2019
V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Ông Nguyễn Quốc Thái

- Thư ký phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân nhân dân TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự T lý số 105/2019/TLPT - DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc *Tranh chấp chia thừa kế*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ML, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 369/2019/QĐXX-PT ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 467/2019/QĐPT-HPT ngày 03/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Văn Q (tên khác: Nguyễn Ngọc T), sinh năm 1927; Địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội

Bị đơn: Ông Đinh C H, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1951
2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954
3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956
4. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958
6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: thôn NĐ, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà Đ, bà T, bà T và bà M: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội *(theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2018)*

7. Anh Đoàn Thành C, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn TL, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Ông Đinh C H, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội *(theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2018)*

8. Cháu Đoàn Văn T, sinh năm: 2003

Địa chỉ: thôn T, xã ĐT, huyện ML, TP. Hà Nội .

Người đại diện hợp pháp của cháu Trung: Anh Đoàn Thành C (bố cháu Trung), sinh năm: 1980; Địa chỉ: thôn TL, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Đinh C H - bị đơn và anh Đoàn Thành C - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

(Có mặt: Cụ Q, ông H, ông L, bà Đ, bà T, bà M, ông S)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các bản khai nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Q trình bày:

Năm 1980, con gái cụ là Nguyễn Thị S kết hôn với ông Đinh C và sinh được 01 con chung là chị Đinh Thị H (K), sinh năm 1981. Năm 1983 ông H và bà S ly hôn (*Bản án phúc thẩm số 189 ngày 25/5/1984 của Tòa án ND tỉnh Vĩnh Phúc xử hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án TAND huyện ML xét xử lại)*. Sau khi ly hôn, năm 1990 bà S mua được diện tích đất ở là 128m^2 tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, đất đã được UBND huyện ML cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S. Năm 2002, cháu Đinh Thị H (K) lấy chồng là Đoàn Thành C và sinh được 01 con chung là Đoàn Văn T, sinh năm 2003. Tháng 10/2007, bà Nguyễn Thị S chết vì tai nạn giao thông, cụ phải lo ma chay. Đến năm 2008, cháu Đinh Thị H (K) cũng mất do thai sản.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S để lại gồm có: (1) Thửa đất số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128 m^2 và các tài sản trên đất là nhà cấp 4 ba gian, bếp tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội; (2) Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3, diện tích 224 m^2 tại khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội; (3) Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3, diện tích 106 m^2 tại khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội; (4) Thửa đất số 169, tờ bản đồ số 2, diện tích 125 m^2 tại khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội. Các thửa đất trên đã được UBND huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S ngày 02/7/1996.

Các thửa đất trên của bà S từ trước tới nay đều do cụ quản lý, tôn tạo, trông nom, sử dụng và đóng thuế đất ở và đất nông nghiệp từ năm 2009 đến nay. Cụ Quyền khẳng định trong quá trình anh Đoàn Thành C làm rể tại nhà gia đình

không có công sức đóng góp gì trong việc tôn tạo đất của bà S. Khi chết bà Nguyễn Thị S không để lại di chúc. Hiện nay, cụ Q đang quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất ở và đất nông nghiệp của bà S. Anh Đoàn Thành C đã lấy vợ mới và ở tại thôn TL, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội. Vì vậy, toàn bộ di sản của bà S để lại cho hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bố đẻ là ông Nguyễn Văn Q, mẹ đẻ là bà Phan Thị T (mất năm 2016) và cháu Đinh Thị H (mất năm 2008).

Ngày 27/8/2013, cụ Q có khai nhận di sản thừa kế tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm nhưng không thực hiện được do không có bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S. Cụ đã làm đơn ra UBND xã ĐT về việc mất Giấy CNQSDĐ của bà S, ngày 07/11/2012 UBND xã ĐT đã mời cụ ra làm việc cùng với ông Đinh C H (là chồng cũ đã ly hôn bà S), tại buổi làm việc, ông H công nhận là đã giữ Giấy CNQSDĐ của bà S và đang cầm cố ở Ngân hàng, ông H tuyên bố không trả lại cho cụ (có biên bản làm việc ngày 07/11/2012).

Cụ Q khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà S để lại theo pháp luật, cụ Q không yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo đất và tiền đóng thuế đất nhưng cụ đề nghị Tòa án xem xét đến công sức duy trì, quản lý đất của cụ đối với khối di sản của bà S.

Bị đơn là ông Đinh C H trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị S năm 1980, vợ chồng sinh được 01 con chung là Đinh Thị H (tức K). Năm 1983 vợ chồng ly hôn, sau khi ly hôn ông vẫn qua lại thăm hỏi và đóng góp phí tổn nuôi con cho bà S. Năm 1990 bà S mua 128m^2 đất tại thôn T, xã ĐT, huyện ML để làm nhà ở. Năm 2002, cháu H kết hôn với anh Đoàn Thành C và ở tại nhà của bà S, vợ chồng sinh được 01 con chung là Đoàn Văn T, sinh năm 2003. Năm 2007 bà S mất, vợ chồng cháu H vẫn ở trên mảnh đất của bà S. Năm 2008, cháu H mất, anh C và cháu T vẫn ở trên mảnh đất của bà S, đóng thuế nhà đất bình thường. Năm 2010, cụ T đóng cửa và đuổi anh C và cháu T ra khỏi nhà. Hiện nay anh C đã đi lấy vợ hai, cháu T bị thiểu năng trí tuệ, hiện đang ở với ông.

Về nguồn gốc thửa đất thổ cư số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128 m^2 tại thôn T, xã ĐT, ML, Hà Nội có nguồn gốc như sau: Sau khi ông và bà S ly hôn năm 1984, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử ly hôn và buộc ông phải thanh toán cho bà S số tiền 260.000đồng, ông đã thanh toán xong. Sau đó, ông còn hỗ trợ cho bà S số tiền 500.000đồng, thực chất là cho con gái để mua mảnh đất trên. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S có tên con gái ông là Đinh Thị H (tức K). Về bản chính Giấy CNQSDĐ do UBND huyện ML cấp cho bà Nguyễn Thị S (K) ngày 02/7/1996 ông không giữ và không biết ai đang giữ giấy tờ này.

Quan điểm của ông H như sau: Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị S theo pháp luật, nếu ông H được hưởng thừa kế, ông sẽ nhường kỷ phần thừa kế của mình cho cháu ngoại ông là Đoàn Văn T. Đề nghị chia cho

cháu T được hưởng thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ thửa đất thổ cư và nông nghiệp, ông Hòa sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ông Nguyễn Ngọc S trình bày:* Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Q và cụ Phan Thị T có 07 người con gồm: Ông là Nguyễn Ngọc S, ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M.

Năm 1980, chị gái ông là Nguyễn Thị S kết hôn với ông Đinh C H, hai người có 01 con chung là Đinh Thị H (tức K). Năm 1983 ông H và bà S ly hôn. Năm 2007 bà S chết do tai nạn giao thông. Năm 2008 chị H (K) chết do thai sản. Cụ Phan Thị T mất năm 2016.

Toàn bộ các thửa đất tranh chấp nêu trên, từ trước tới nay đều do cụ Q quản lý, tôn tạo, trông nom và sử dụng. Khi chết bà Nguyễn Thị S không để lại di chúc. Ông Sơn đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bà S theo quy định của pháp luật, nếu ông được hưởng thừa kế thì sẽ nhường toàn bộ phần thừa kế của ông cho cụ Nguyễn Văn Q (bố ông).

- Ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M (là các con của cụ Q, cụ Tiền) đều có bản trình bày với nội dung và quan điểm như lời khai của cụ Q và ông S, nếu các ông bà được hưởng thừa kế thì sẽ nhường toàn bộ phần thừa kế của mình cho cụ Nguyễn Văn Q.

- *Anh Đoàn Thanh C trình bày:* Anh kết hôn với chị Đinh Thị H (tức K) năm 2002, vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Văn T sinh năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà đất của bà Nguyễn Thị S (mẹ vợ), địa chỉ tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội. Công việc ngoài đồng và trong nhà do anh và chị H lo liệu, còn bà S ở nhà trông con cho vợ chồng anh. Tháng 10/2007 bà S mất vì tai nạn, bố đẻ bà S là cụ Nguyễn Văn Q (T) đứng lo liệu toàn bộ việc mai táng, vợ chồng anh có tham gia giúp đỡ về công việc chung.

Tháng 01/2008, do vườn của bà S thấp nên vợ chồng anh mua 05 xe đất khoảng 70 khối để tôn nền hết số tiền là 2.800.000đồng. Cuối năm 2008, chị H (K) mất do thai sản. Hiện nay, anh đã lấy vợ hai và không còn ở trên đất của bà S nữa.

Anh C đề nghị thanh toán cho anh số tiền anh bỏ ra đề mua đất san nền là 2.800.000đồng, đối với tiền thuế đất anh nộp cho bà S vào năm 2008 và 2009 anh không yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bà S theo quy định của pháp luật, nếu được hưởng thừa kế, anh sẽ nhường toàn bộ phần thừa kế của mình cho con là Đoàn Văn T và chia cho cháu T được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ML, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia thừa kế của cụ Nguyễn Văn Q (tên khác: Nguyễn Ngọc T) đối với ông Đinh C H.

1.2. Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị S là năm 2007 (năm bà S chết).

1.3. Xác định di sản thừa kế bà S để lại gồm:

- Thửa đất ở số 117, tờ bản đố số 11 tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2 có trị giá 359.829.600đ *(Nhà cấp 4 ba gian, 01 bếp và 01 đoạn tường rào do bà S xây dựng năm 1996 đã cũ nát, hết khấu hao không còn giá trị sử dụng).*

- Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3 tại khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 224 m^2 có trị giá 30.240.000đ.

- Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3 tại khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 106 m^2 có trị giá 14.310.000đ.

- Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2 tại khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 114,4 m^2 có trị giá 15.444.000đ.

Toàn bộ đất ở và đất nông nghiệp trên của bà Nguyễn Thị S đã được cấp GCNQSDĐ ngày 02/7/1996 có trị giá là: 419.823.600đ *(Bốn trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng).*

1.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S gồm: (1) Cụ Nguyễn Văn Q; (2) Cụ Phan Thị Tiền; (3) Chị Đinh Thị H.

1.5. Xác định kỷ phần thừa kế:

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S để lại là 419.823.600đ *(Bốn trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng).*

Di sản thừa kế được chia làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 104.955.900đ *(Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng).*

- Cụ Nguyễn Văn Q được hưởng 02 kỷ phần là 209.911.800đ *(Hai trăm linh chín triệu chín trăm mười một nghìn tám trăm đồng).*

- Cụ Phan Thị T được hưởng 01 kỷ phần là 104.955.900đ *(Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng).*

- Chị Đinh Thị H (K) được hưởng 01 kỷ phần là 104.955.900đ *(Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng).* Chị H (K) mất năm 2008, nên kỷ phần này được chia cho ông Đinh C H, anh Đoàn Thành C và cháu Đoàn Văn T. Ông H và anh C nhường quyền hưởng thừa kế cho cháu Trung. Nên, cháu T được hưởng trọn 01 kỷ phần.

1.6. Chia bằng hiện vật:

- Chia cho cụ Nguyễn Văn Q:

+ Thửa đất ở số 117, tờ bản đố số 11 tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2 được giới hạn bởi các điểm (A,B,E,F,G,A) có sơ đồ hiện trạng kèm theo, trên đất có *(Nhà cấp 4 ba gian, 01 bếp và 01 đoạn tường rào do bà S xây dựng năm 1996 đã cũ nát không còn giá trị sử dụng);*

+ Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3 tại khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 106 m^2 được giới hạn bởi các điểm (A,B,C,D,A), có sơ đồ hiện trạng kèm theo;

+ Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2 tại khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 114,4 m^2 được giới hạn bởi các điểm (A,B,C,D,E,A), có sơ đồ hiện trạng kèm theo.

Các thửa đất có tổng trị giá: 389.583.622đ *(Ba trăm tám mươi chín triệu năm tră, tám mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng)*.

- Chia cho cháu Đoàn Văn T: Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3 tại khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 224 m^2 được giới hạn bởi các điểm (A,B,C,D,A), có sơ đồ hiện trạng kèm theo, trị giá 30.240.000đ *(Ba mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Cụ Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ bàn giao diện tích đất nông nghiệp trên cho cháu Đoàn Văn T.

1.7. Về thanh toán chênh lệch di sản:

- Cụ Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về di sản thừa kế cho cháu Đoàn Văn T số tiền 74.715.900đ *(Bảy mươi tư triệu bảy trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng)*.

- Cụ Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất kỷ phần của cụ Phan Thị T số tiền 104.955.900đ *(Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng)*. Giao cho cụ Nguyễn Văn Q quản lý kỷ phần của cụ Phan Thị Tiền, sau này hàng thừa kế thứ nhất của cụ T sẽ tự thỏa thuận chia thừa kế hoặc khởi kiện bằng vụ án khác.

1.8. Không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền đổ đất của anh Đoàn Thành C.

1.9. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

1.10. *Về tiền chi phí tố tụng:* Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí định giá là 7.500.000đồng, đã thanh toán xong.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự, ...

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2018 ông Đinh C H (bị đơn) và anh Đoàn Thành C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chia cho cháu T thửa đất ở số 117, tờ bản đố số 11 tại thôn T, xã ĐT, huyện ML, Hà Nội để cháu T đến tuổi trưởng thành có đất để ở và lập nghiệp, ông H và anh C sẽ thanh toán bằng tiền cho các thừa kế bên phía cụ Q.

Trương hợp không được chấp nhận, thì phần thừa kế của cháu T được bao nhiêu thì chia đất ở cho cháu T bấy nhiêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi T lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cháu Trung, giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Cụ Nguyễn Văn Q và cụ Phan Thị T có 07 người con là ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc S.

Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Đinh C H năm 1980 đến năm 1984 thì ly hôn, hai người có 01 con chung là chị Đinh Thị H (K). Bà Sở chết năm 2007, chị H chết năm 2008, cụ T chết năm 2016 đều không để lại di chúc.

Các đương sự thống nhất xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S để lại gồm các tài sản sau:

- Thửa đất thổ cư số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128m^2 đất ở (theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2) tại địa chỉ: Thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất (gồm nhà cấp 4 ba gian, bếp, đoạn tường rào...) có tổng giá trị là 359.829.600đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3, diện tích 106m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 14.310.000đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2, diện tích 125m^2 đất lúa (theo hiện trạng sử dụng là 114,4m^2) tại địa chỉ: Khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 15.444.000đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 30.240.000đồng.

Các thửa đất trên đã được UBND huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị S (K) ngày 02/7/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 129/QSDĐ/129QĐ/UB. Các bên đương sự không ai xuất trình được cho bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S với lý do Giấy chứng nhận đã bị thất lạc.

Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S để lại là 04 thửa đất nêu trên, có tổng giá trị là 419.823.600đồng và chia thừa kế di sản của bà S theo pháp luật là có căn cứ.

Về công sức duy trì, bảo quản khối di sản thừa kế:

Sau khi bà S mất, cụ Q là người đứng ra lo ma chay cho bà S, trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất ở và các đất nông nghiệp của bà S, đồng thời là người trực tiếp nộp thuế đối với các thửa đất trên từ năm 2009 cho đến nay. Anh Đoàn Thành C đề nghị thanh toán cho anh số tiền anh và chị H (K) bỏ ra để thuê người đổ đất tôn tạo sân, vườn trên đất của bà S 2.800.000đồng. Anh C đưa ra chứng cứ là thuê anh Lê Văn B là người trực tiếp đổ đất, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Tuy nhiên, theo lời khai của những người làm chứng như: Ông Phan Quang M, ông Nguyễn Văn B, anh Vũ Văn X và một số người làm chứng khác là những người liền kề nhà bà S đều khẳng định người đổ đất, tôn nền sân vườn, đảo lại ngói nhà cấp 4 của bà S là cụ Q, không phải là vợ chồng anh C. Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho cụ Q bằng 01 kỷ phần thừa kế và không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền đổ đất của anh Đoàn Thành C là có căn cứ.

Về việc chia thừa kế di sản của bà S bằng giá trị: Các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Di sản thừa kế của bà S để lại có tổng giá trị là: 419.823.600đồng. Bà S chết năm 2007. Hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm có: cụ Nguyễn Văn Q, cụ Phan Thị T và chị Đinh Thị H. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là 104.955.900đồng.

Chị H chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất của chị H gồm có: ông Đinh C H, anh Đoàn Thành C và cháu Đoàn Văn T. Ông H và anh C tự nguyện nhường phần thừa kế của mình cho cháu Trung, nên cháu T được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của chị H có giá trị là 104.955.900đồng .

Cụ T chết năm 2016. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm có: cụ Nguyễn Văn Q và các con là ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc S. Các con cụ Tiền, cụ Q tự nguyện nhường phần thừa kế của mình cho cụ Q, nên cụ Q được hưởng 03 kỷ phần thừa kế có giá trị là 314.867.700đồng (gồm phần thừa kế của cụ Q, phần thừa kế của cụ T và được thanh toán công sức bằng 01 kỷ phần).

Về chia hiện vật:

- Đối với đất nông nghiệp: Tòa án cấp sơ thẩm chia cho cụ Q được sử dụng Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, diện tích 106m^2 đất lúa và Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2, diện tích 125m^2 đất lúa; Chia cho cháu Đoàn Văn T được sử dụng Thửa đất số 375, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m^2 đất lúa là phù hợp. Nội dung này không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

- Đối với đất thổ cư: Cụ Q đề nghị được hưởng thừa kế bằng hiện vật và sẽ thanh toán tiền chênh lệch cho cháu Trung; Ông H và anh C đề nghị Tòa án chia thừa kế cho cho cháu Đoàn Văn T bằng hiện vật, ông H và anh C sẽ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho cụ Q.

Xét thấy: Thửa đất thổ cư số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128m^2 đất ở (theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2) tại địa chỉ: Thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất (gồm nhà cấp 4 ba gian, bếp, đoạn tường rào...) hiện đang do cụ Q quản lý, sử dụng. Phần thừa kế của cụ Q là 3/4 khối di sản, phần thừa kế của cháu T là 1/4 khối di sản. Cháu T bị thiểu năng trí tuệ, chưa đến tuổi trưởng thành đang sống phụ thuộc vào anh C và ông H, hiện nay mâu thuẫn giữa ông H với gia đình cụ Q rất căng thẳng không thể ở cùng 1 thửa đất được. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho cụ Q toàn bộ thửa đất thổ cư và các tài sản trên đất, cụ Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho cháu T số tiền là 74.715.900đồng là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông H và anh C.

Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm : Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần thừa kế được chia. Cụ thể:

Cụ Q phải chịu 15.741.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cụ Q là người cao tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Q là có căn cứ.

Cháu Đoàn Văn T phải chịu 5.247.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cháu T bị thiểu năng trí tuệ, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm không miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cháu T là không đúng, do đó sửa án sơ thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cháu Trung.

- Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:;

- Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650,651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, 14, 15, Khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ML, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau***:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ Nguyễn Văn Q (tên khác: Nguyễn Ngọc T) đối với ông Đinh C H.

2. Xác định di sản thừa kế bà Nguyễn Thị S để lại gồm có:

- Thửa đất thổ cư số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128m^2 đất ở (theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2) tại địa chỉ: Thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 359.829.600đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3, diện tích 106m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 14.310.000đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2, diện tích 125m^2 đất lúa (theo hiện trạng sử dụng là 114,4m^2) tại địa chỉ: Khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 15.444.000đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 30.240.000đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S là 419.823.600đồng *(Bốn trăm mười chín triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).*

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị S là năm 2007. Di sản thừa kế của bà S được chia theo pháp luật.

- Thanh toán công sức tôn tạo, duy trì khối di sản cho cụ Nguyễn Văn Q bằng 01 kỷ phần thừa kế.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm có cụ Nguyễn Văn Q, cụ Phan Thị T và chị Đinh Thị H. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là 104.955.900đồng *(Một trăm linh bốn triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn,chín trăm đồng)*.

4. Chị Đinh Thị H chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất của chị H gồm có: ông Đinh C H, anh Đoàn Thành C và cháu Đoàn Văn T.

Ghi nhận tự nguyện của ông H và anh C nhường phần thừa kế của mình cho cháu Trung, nên cháu T được hưởng kỷ phần thừa kế của chị H có giá trị là 104.955.900đồng *(Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng)*.

5. Cụ Phan Thị T chết năm 2016. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm có: cụ Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc S.

Ghi nhận tự nguyện của ông L, bà Đ, bà T, bà T, bà Mvà ông S nhường phần thừa kế của mình cho cụ Q, nên cụ Q được hưởng 03 kỷ phần thừa kế có giá trị là 314.867.700đồng *(Ba trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi bẩy nghìn, bẩy trăm đồng)*.

6. Chia bằng hiện vật như sau:

6.1. Chia cho cụ Nguyễn Văn Q:

- Thửa đất thổ cư số 117, tờ bản đố số 11, diện tích 128m^2 đất ở (theo hiện trạng sử dụng là 121,4m^2) tại địa chỉ: Thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất *(bao gồm 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 bếp, 01 đoạn tường rào...)* có tổng giá trị là 359.829.600đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 627, tờ bản đồ số 3, diện tích 106m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu CV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 14.310.000đồng.

- Thửa đất nông nghiệp số 169, tờ bản đồ số 2, diện tích 125m^2 đất lúa (theo hiện trạng sử dụng là 114,4m^2) tại địa chỉ: Khu ĐS, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 15.444.000đồng.

Tài sản chia cho cụ Q có tổng giá trị là 389.583.600đồng *(Ba trăm tám mươi chín triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm đồng)*.

6.2. Chia cho cháu Đoàn Văn T (người đại diện theo pháp luật của cháu T là anh Đoàn Thành C): Thửa đất nông nghiệp số 375, tờ bản đồ số 3, diện tích 224m^2 đất lúa tại địa chỉ: Khu ĐV, thôn T, xã ĐT, huyện ML, thành phố Hà Nội có giá trị là 30.240.000đồng *(Ba mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

6.3. Buộc cụ Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho cháu Đoàn Văn T (người đại diện theo pháp luật của cháu T là anh Đoàn Thành C) số tiền là 74.715.900đồng *(Bảy mươi tư triệu, bảy trăm mười lăm nghìn,chín trăm đồng)*.

7. Về tiền chi phí tố tụng*:* Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí định giá là 7.500.000đồng, đã thanh toán xong.

8. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

9. Về án phí:

- Cụ Nguyễn Văn Q và cháu Đoàn Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cụ Nguyễn Văn Q tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.750.000đồng *(Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền số AD/2010/0004491 ngày 17/5/2017 và 1.500.000đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lại thu tiền số AA/2016/0016533 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả ông Đinh C H và anh Đoàn Thành C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0016767 và AA/2016/0016768 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *TAND huyện ML;*
- *Chi cục THADS huyện ML;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

Hoàng Thị Thu Lan